TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:06/2019/QĐST-VHNGĐ
Ngày 08-11-2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THỎA THUẬN CỦA CHA, MẸ VỀ THAY ĐỔI NGƯỜI TRỰC TIẾP NUÔI CON SAU KHI LY HÔN

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Phan Thị Minh Châu.

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1023/2019/TLST- VHNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thỏa thuận của cha, mẹ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số: 10/2019/QĐST-QĐPH ngày 30 tháng 10 năm 2019.

- *Người yêu cầu*: Anh Phan Văn N, sinh năm 1970; thường trú: Số 134 đường số 9, khu trung tâm hành chính, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1978; thường trú: Số 134 đường số 9, khu trung tâm hành chính, khu phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG:

- Anh Phan Văn N có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên, theo đơn yêu cầu ngày 22/10/2019, lời khai trong quá trình tố tụng người yêu cầu trình bày:

Anh Phan Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh T là vợ chồng đã ly hôn theo quyết định số 185/2019/QĐST-VHNGĐ ngày 29/3/2019 của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương. Theo quyết định anh Phan Văn N trực tiếp nuôi 02 con chung tên Phan Trường G, sinh ngày 09/7/2003 và Phan Trường S, sinh ngày 09/01/2008, chị Nguyễn Thị Ánh T trực tiếp nuôi con chung tên Phan Ánh N1, sinh ngày 22/10/2012, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nay cháu Phan Ánh N1 có nguyện vọng muốn về sinh sống cùng với anh N và hai anh trai, đồng thời chị T không có thời gian chăm sóc cháu N1. Anh Phan Văn N đã làm đơn khởi kiện, tại Trung tâm hòa giải Tòa án nhân dân thị xã D anh N, chị T đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và lập biên bản hòa giải thành, theo đó chị Nguyễn Thị Ánh T giao con chung tên Phan Ánh N1, sinh ngày 22/10/2012 cho anh Phan Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng, cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi. Theo kết quả hòa giải thành nêu trên, anh N đã nộp đơn đến Tòa

án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương để yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.

- Chị Nguyễn Thị Ánh T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 25/10/2019 chị T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của anh Phan Văn N và đồng ý giao con chung tên Phan Ánh N1, sinh ngày 22/10/2012 cho anh Phan Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

** Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã D:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án: Trong quá trình giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên họp vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được, xét thấy "Yêu cầu công nhận thỏa thuận của cha, mẹ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn" của anh Phan Văn N là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thị xã D nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh T có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Ngày 22/10/2019, tại Trung tâm hòa giải, đối thoại của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương giữa anh Phan Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh T đã thống nhất thỏa thuận, chị T giao con chung tên Phan Ánh N1, sinh năm 22/10/2012 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng, cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Dựa trên kết quả hòa giải thành, anh Phan Văn N làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án. Trong quá trình chuẩn bị xét đơn yêu cầu, anh Phan Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh T vẫn thống nhất yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngày 22/10/2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Xét nội dung thỏa thuận hòa giải thành tại Trung tâm hòa giải, đối thoại của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương vào ngày 22/10/2019 của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm, phù hợp với qui định của pháp luật. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu anh Phan Văn N.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phan Văn N phải chịu lệ phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí, Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 69,71,72, 81, 82 ,83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 11 Điều 29 và các Điều 367, 419 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thỏa thuận của cha, mẹ về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của anh Phan Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh T cụ thể như sau:

Chị Nguyễn Thị Ánh T giao con chung tên Phan Ánh N1, sinh năm 22/10/2012 cho anh Phan Văn N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng một tháng), thời hạn cấp dưỡng kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi.

Anh Phan Văn N và chị Nguyễn Thị Ánh T có quyền thăm nom con, chăm sóc con, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền cản trở anh N và chị T thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Anh Phan Văn N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0029548 ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã D (01);
- CC THA thị xã D (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, HSVA (02).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phan Thị Minh Châu

SƠ ĐỒ TRÍCH ĐO DIỆN TÍCH ĐẤT

(Kèm theo Quyết định giải quyết việc hôn nhân sơ thẩm số: Số: 04/2019/QĐST-VHNGĐ ngày 26-7-2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương)

Ghi chú:

Thửa đất 840j, tờ bản đồ số 02 (theo GCN); theo tọa độ VN2000 thuộc một phần thửa số 3044, khu phố Thắng Lợi 2, phường Dĩ An, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

+ **Phần A:** Chia cho ông Lê Hồng Phước, diện tích 135m^2 (124m^2 ODT và 11m^2 CLN), diện tích xây dựng: 53m^2, diện tích thuộc HLATĐB 2.9m^2).

+ **Phần B:** Chia cho bà Lê Thị Hà Giang, diện tích 127m^2 (36m^2 ODT và 9.1m^2 CLN), diện tích xây dựng: 91.5m^2, diện tích thuộc HLATĐB 2.4m^2).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

LÊ THỊ NGÀ

Hướng dẫn sử dụng mẫu số...-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu Toà án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số quyết định, ô thứ hai ghi năm ra quyết định, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: nếu việc dân sự mà Tòa án giải quyết là yêu cầu tuyên bố thỏa ước lao động vô hiệu thì ghi: "Số: 100/2018/QĐST-LĐ").

(3), (4) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(5) Ghi họ tên người yêu cầu, nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(6) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

(7) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(8) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (5).

(9) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (6).

(10) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (7)

(11) Ghi nhận định của Tòa án về những căn cứ chấp nhận hoặc không chấp nhận đơn yêu cầu.

(12) Tùy từng loại việc mà ghi căn cứ pháp luật để giải quyết.

(13) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong việc dân sự, lệ phí, quyền kháng cáo, kháng nghị.

(14) Tùy từng trường hợp mà gửi cho cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.